

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐẶNG NGỌC MAI

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC
THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở VÙNG
TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC HIỆN NAY

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: HỒ CHÍ MINH HỌC

Mã số: 9310204

HÀ NỘI - 2026

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Chủ tịch Hội đồng



PGS.TS. Lý Việt Quang

Người hướng dẫn khoa học



1. PGS.TS. Đặng Quang Định



2. TS. Trần Thị Huyền

Phản biện 1: **PGS. TS. Doãn Thị Chín**

Học Viện Báo chí và Tuyên truyền.

Phản biện 2: **PGS. TS. Đinh Quang Thành**

Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Phản biện 3: **PGS. TS. Nguyễn Thắng Lợi**

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp học viện
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
vào hồi 08 giờ 00 ngày 08 tháng 9 năm 2026**

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

Vấn đề dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nội dung quan trọng trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, được hình thành trên cơ sở kế thừa truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam và tiếp thu, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin. Hồ Chí Minh nhất quán khẳng định các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ; phải đoàn kết, tôn trọng, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển. Người đặc biệt quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc đúng đắn nhằm khơi dậy, phát huy tinh thần đoàn kết, yêu nước của đồng bào các dân tộc thiểu số. Người khẳng định: “Chính sách dân tộc của chúng ta là nhằm thực hiện sự bình đẳng, giúp nhau giữa các dân tộc để cùng nhau tiến lên chủ nghĩa xã hội”. Những quan điểm đó là nền tảng tư tưởng để Đảng và Nhà nước hoạch định, tổ chức thực hiện chính sách dân tộc trong các thời kỳ cách mạng.

Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hiện chính sách dân tộc, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tiêu biểu là: Nghị quyết số 24 - NQ/TW ngày 12 tháng 3 năm 2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc; Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội khóa XIV phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Đối với vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Nghị quyết số 11 - NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị khẳng định yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, phát huy tiềm năng, lợi thế vùng gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc. Các văn bản này thể hiện sự vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới, đồng thời tạo cơ sở chính trị, pháp lý quan trọng cho tổ chức thực hiện chính sách dân tộc, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Giai đoạn 2015-2025, việc thực hiện chính sách dân tộc ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc đã đạt được những kết quả tích cực. Hệ thống chủ trương, chính sách từng bước được hoàn thiện; kết cấu hạ tầng thiết yếu được tăng cường; các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, giảm nghèo, giáo dục, y tế, nước sinh hoạt và bảo tồn văn hóa được triển khai. Qua đó, điều kiện sống của đồng bào từng bước được cải thiện, bản sắc văn hóa các dân tộc được quan tâm bảo tồn, phát huy; hệ thống chính trị cơ sở được củng cố; góp phần tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, giữ vững quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

Tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển nhanh và bền vững, việc thực hiện chính sách dân tộc ở vùng vẫn còn những hạn chế, bất cập. Việc cụ thể hóa một số chủ trương, chính sách tại một số địa phương còn chậm; tổ chức thực hiện có nơi

chưa đồng bộ, chưa thật sự phù hợp với điều kiện của từng địa bàn, từng dân tộc; nguồn lực đầu tư và việc lồng ghép các chính sách còn phân tán. Kết quả giảm nghèo ở một số nơi chưa bền vững; chất lượng nguồn nhân lực, khả năng tiếp cận giáo dục, y tế, việc làm và dịch vụ xã hội cơ bản của một bộ phận đồng bào còn hạn chế; chênh lệch phát triển giữa vùng sâu, vùng xa với mặt bằng chung vẫn lớn. Các vấn đề thiếu đất ở, đất sản xuất, di cư tự do, thiên tai, biến đổi khí hậu, nguy cơ mai một bản sắc văn hóa và các vấn đề xã hội nảy sinh tiếp tục đặt ra yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc. Những hạn chế, bất cập nêu trên đặt ra yêu cầu tiếp tục nghiên cứu việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hiện chính sách dân tộc nhằm nâng cao hiệu quả cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc trong giai đoạn hiện nay.

Vùng Trung du và miền núi phía Bắc có vị trí đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; có địa hình phức tạp, đường biên giới dài, tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số cao. Vì vậy, hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc ở vùng không chỉ tác động trực tiếp đến đời sống, quyền và lợi ích chính đáng của đồng bào, mà còn gắn chặt với việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia.

Trong bối cảnh hiện nay, việc thực hiện hiệu quả chính sách dân tộc ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc không chỉ có ý nghĩa phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống đồng bào, mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với việc củng cố niềm tin của Nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Do vùng có vị trí chiến lược, địa bàn biên giới rộng và tập trung đông đồng bào dân tộc thiểu số, cần chủ động phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn các âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, kích động biểu tình, “ly khai, tự trị”; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh và chủ quyền biên giới quốc gia.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng tiếp tục khẳng định mục tiêu: “Đảm bảo các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ cùng phát triển. Thúc đẩy tính tích cực, ý chí tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc trong phát triển kinh tế - xã hội, vươn lên thoát nghèo và giảm nghèo đa chiều bền vững”. Định hướng đó, cùng yêu cầu phát triển vùng Trung du và miền núi phía Bắc theo hướng xanh, bền vững, bao trùm; thu hẹp chênh lệch phát triển; gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, đặt ra yêu cầu tiếp tục cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách dân tộc ở vùng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Từ những vấn đề nêu trên, nghiên cứu “Thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc hiện nay” có ý nghĩa cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn. Về lý luận, nghiên cứu góp phần làm rõ nội

hàm, tiêu chí và các nhân tố tác động đến thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới. Về thực tiễn, nghiên cứu đánh giá khách quan thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra trong quá trình thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh tại vùng Trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 2015 - 2025. Về chính sách, nghiên cứu cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoàn thiện cơ chế, giải pháp cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chính sách dân tộc ở vùng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trên cơ sở đó, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài ***“Thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc hiện nay”*** làm đề tài luận án tiến sĩ ngành Hồ Chí Minh học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án nhằm làm rõ cơ sở lý luận và thực trạng thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 2015 - 2025, từ đó đề xuất phương hướng và giải pháp thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích đề ra, luận án tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài; xác định những kết quả có thể kế thừa, khoảng trống nghiên cứu và những vấn đề luận án cần tiếp tục làm rõ.

Thứ hai, làm rõ cơ sở lý luận của việc thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm các khái niệm công cụ, nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và các tiêu chí đánh giá việc thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ ba, phân tích đặc điểm tự nhiên, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh và đặc điểm dân tộc của vùng Trung du và miền núi phía Bắc; làm rõ các nhân tố tác động đến việc thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở vùng.

Thứ tư, đánh giá thực trạng thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 2015 - 2025; chỉ ra kết quả, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra.

Thứ năm, dự báo các nhân tố tác động; xác định phương hướng và đề xuất các giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu việc thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh; phân tích quá trình vận dụng tư tưởng này trong thực tiễn thực hiện chính sách dân tộc của Đảng bộ và chính quyền các cấp ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Phạm vi không gian: Vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Trước khi sắp xếp đơn vị hành chính, vùng gồm 14 tỉnh: Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Giang, Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Sơn La, Điện Biên và Hòa Bình; sau sắp xếp còn 9 tỉnh: Thái Nguyên, Cao Bằng, Điện Biên, Tuyên Quang, Phú Thọ, Lai Châu, Lào Cai, Lạng Sơn và Sơn La. Luận án khảo sát tại một số địa phương tiêu biểu của vùng: Trước ngày 01/7/2025 tại 5 tỉnh (Hà Giang, Tuyên Quang, Hòa Bình, Lạng Sơn và Điện Biên); sau ngày 01/7/2025 tại 3 tỉnh (Tuyên Quang, Điện Biên và Lạng Sơn).

Phạm vi thời gian: Luận án tập trung nghiên cứu việc thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc trong giai đoạn 2015-2025. Trên cơ sở đánh giá thực trạng và những vấn đề đặt ra trong giai đoạn này, luận án đề xuất phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Để bảo đảm tính cập nhật của nghiên cứu, luận án sử dụng bổ sung một số số liệu, báo cáo được công bố đến tháng 4 năm 2026 nhằm minh chứng, đối chiếu và làm rõ các nhận định, đánh giá; việc sử dụng các số liệu này chỉ có ý nghĩa cập nhật thông tin, không làm thay đổi phạm vi thời gian nghiên cứu của luận án.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân tộc, chính sách dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; đồng thời vận dụng các phương pháp: lịch sử - logic, phân tích - tổng hợp, so sánh - đối chiếu để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu. Cụ thể:

Chương 1: Thu thập, xử lý, đánh giá các tài liệu và công trình nghiên cứu trong và ngoài nước; kết hợp phương pháp logic và phương pháp lịch sử để tổng quan, đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.

Chương 2: Vận dụng phương pháp logic kết hợp với phương pháp lịch sử, khái quát hóa, hệ thống hóa, so sánh, trừu tượng hóa và phân tích văn bản nhằm làm rõ các khái niệm, luận giải nội dung và giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về chính sách dân tộc.

Chương 3: Vận dụng các phương pháp phân tích - tổng hợp, tổng kết thực tiễn, thống kê và so sánh để đánh giá thực trạng, chỉ ra những vấn đề đặt ra trong thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Chương 4: Vận dụng các phương pháp phân tích - tổng hợp, so sánh và phương pháp chuyên gia để luận giải các nhân tố tác động, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Bên cạnh việc khai thác số liệu thứ cấp, luận án sử dụng phương pháp điều tra xã hội học nhằm thu thập dữ liệu định lượng phục vụ nghiên cứu.

5. Đóng góp khoa học của luận án

Một là, luận án góp phần làm rõ và hệ thống hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hiện chính sách dân tộc; góp phần bổ sung luận cứ khoa học cho việc nhận thức và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện hiện nay.

Hai là, luận án đánh giá thực trạng thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 2015 - 2025; làm rõ những kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

Ba là, luận án đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và thúc đẩy phát triển bền vững đất nước.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận của luận án

Luận án góp phần hệ thống hóa, làm rõ những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và các quan điểm định hướng đối với việc thực hiện chính sách dân tộc, nhất là các nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, tương trợ và giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc. Trên cơ sở đó, góp phần làm rõ cơ sở lý luận cho việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong tổ chức thực hiện chính sách dân tộc ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc hiện nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận án

Luận án góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực hiện chính sách dân tộc ở nước ta hiện nay. Những kết quả nghiên cứu, giải pháp đề xuất và tổng kết thực tiễn thực hiện chính sách dân tộc ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc là nguồn tài liệu tham khảo cho quá trình hoạch định, tổ chức thực hiện chính sách dân tộc và xây dựng, triển khai chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các cấp ủy, chính quyền địa phương; đồng thời có thể được vận dụng tại các địa phương có điều kiện tương đồng.

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, học tập và giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh, công tác dân tộc và chính sách dân tộc tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong và ngoài hệ thống Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

7. Kết cấu của Luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình đã công bố của tác giả liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1.1. Những nghiên cứu liên quan đến tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và chính sách dân tộc

Các công trình nghiên cứu liên quan đến tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và chính sách dân tộc (gồm các cuốn sách, bài viết, luận án....) đã cung cấp hệ thống luận cứ phong phú và tương đối toàn diện về tư tưởng Hồ Chí Minh đối với vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc. Nhiều nghiên cứu còn tiếp cận đa chiều, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, góp phần làm sâu sắc thêm nội dung và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh phát triển hiện nay.

1.1.2. Những nghiên cứu liên quan đến vận dụng và thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Các công trình nghiên cứu liên quan đến vận dụng và thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh đã tiếp cận khá toàn diện việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc, làm rõ cơ sở lý luận, nguyên tắc và nội dung triển khai trên nhiều lĩnh vực như giáo dục, cán bộ, giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội và củng cố khối đại đoàn kết. Bên cạnh đó, có nhiều nghiên cứu còn cung cấp các số liệu, minh chứng thực tiễn và đề xuất giải pháp cụ thể, góp phần phản ánh tương đối đầy đủ bức tranh thực hiện chính sách dân tộc ở Việt Nam hiện nay.

1.1.3. Những nghiên cứu liên quan đến chính sách dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc

Các công trình nghiên cứu về chính sách dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc đã cung cấp nền tảng lý luận và thực tiễn phong phú, làm rõ nhiều khía cạnh như văn hóa, giáo dục, sinh kế, quốc phòng, an ninh và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

1.2. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.2.1. Khái quát kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài

Các công trình nghiên cứu đã làm rõ vị trí, vai trò đặc biệt của vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam, đồng thời khẳng định vai trò nền tảng của tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác dân tộc. Tư tưởng đó thể hiện ở quyền bình đẳng dân tộc, tinh thần đoàn kết, chống áp bức, bóc lột, cũng như những quan điểm cụ thể về chăm lo đời sống đồng bào dân tộc thiểu số, đào tạo cán bộ người dân tộc thiểu số, phát huy nội lực cộng đồng, tôn trọng phong tục tập quán tốt đẹp và đấu tranh với hủ tục lạc hậu. Các nghiên cứu cho thấy tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc vừa kế thừa sáng tạo chủ nghĩa Mác -

Lênin, vừa xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, qua đó giữ vai trò định hướng bền vững cho xây dựng và thực thi chính sách dân tộc trong các giai đoạn cách mạng. Bên cạnh các nghiên cứu lý luận, nhiều công trình đã khảo sát, đánh giá thực tiễn thực hiện chính sách dân tộc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhấn mạnh đóng góp của chính sách dân tộc trong củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, tăng cường khối đại đoàn kết và giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở các địa bàn chiến lược. Đối với vùng Trung du và miền núi phía Bắc, nhiều nghiên cứu khẳng định thực hiện tốt chính sách dân tộc là điều kiện quan trọng để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, củng cố hệ thống chính trị cơ sở và ngăn ngừa nguy cơ lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo gây mất ổn định.

Từ việc phân tích các công trình đã có, có thể thấy mặc dù nghiên cứu về chính sách dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc ở Việt Nam đạt nhiều kết quả quan trọng, vẫn còn những khoảng trống đáng chú ý. Phần lớn công trình tiếp cận từ các chuyên ngành riêng lẻ nên thiếu tính liên ngành và hệ thống, chưa kết nối đầy đủ chiều sâu lý luận với tính phức tạp của thực tiễn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Nhiều nghiên cứu mới dừng ở mô tả, đánh giá thực trạng hoặc đề xuất giải pháp khái quát, chưa luận giải sâu mối quan hệ giữa nền tảng tư tưởng của Đảng, nhất là tư tưởng Hồ Chí Minh, với cơ chế, nội dung và hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc trong những bối cảnh cụ thể. Đối với vùng Trung du và miền núi phía Bắc, khoảng trống nghiên cứu này càng thể hiện rõ.

1.2.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Luận án xác định trọng tâm nghiên cứu là tiếp tục làm sáng tỏ, bổ sung và hệ thống hóa có cơ sở khoa học tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hiện chính sách dân tộc; tập trung phân tích thực trạng thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 2015 - 2025; nghiên cứu các yếu tố tác động và dự báo xu hướng trong nước, quốc tế ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, phân tích thực trạng, nhận diện các yếu tố tác động và dự báo xu hướng phát triển, luận án đề xuất phương hướng và hệ thống giải pháp thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045,

Tiểu kết chương 1

Chương 1 của luận án đã hệ thống hóa các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến chính sách dân tộc, tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và việc vận dụng tư tưởng của Người trong thực hiện chính sách dân tộc ở Việt Nam. Tổng quan tình hình nghiên cứu cho thấy các công trình đã đạt nhiều kết quả quan trọng cả về lý luận và thực tiễn, song vẫn còn những khoảng trống khoa học cần tiếp tục bổ sung. Phần lớn nghiên cứu chủ yếu tiếp cận ở tầm khái quát hoặc theo từng lĩnh vực, địa bàn và khía cạnh riêng lẻ; trong khi còn thiếu các nghiên cứu hệ thống, chuyên sâu về thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí

Minh gắn với điều kiện đặc thù vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Từ đó, luận án xác định hướng nghiên cứu tập trung làm rõ một cách hệ thống việc thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc, góp phần bổ sung luận cứ khoa học nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của vùng và đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Chương 2

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC THEO

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

2.1.1. Một số khái niệm liên quan đến chính sách dân tộc

Khái niệm dân tộc

Theo *Từ điển bách khoa Việt Nam*, khái niệm dân tộc thường được hiểu theo hai nghĩa khác nhau:

Thứ nhất, khái niệm dân tộc (nation) hay quốc gia - dân tộc được hiểu là một cộng đồng chính trị - xã hội rộng lớn, được tổ chức và quản lý dưới sự chỉ đạo của một nhà nước, tồn tại trên một lãnh thổ nhất định. Về lịch sử, dân tộc được hình thành ban đầu từ sự tập hợp của nhiều bộ lạc và liên minh bộ lạc; về sau là sự liên kết, thống nhất của nhiều cộng đồng mang tính tộc người. Sự hình thành và phát triển của dân tộc gắn liền với những điều kiện lịch sử cụ thể, trước hết là sự phát triển của phương thức sản xuất, của đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội qua từng thời kỳ.

Thứ hai, khái niệm dân tộc (ethnie) còn được hiểu là cộng đồng mang tính tộc người, tức một cộng đồng người được liên kết với nhau bởi những đặc trưng tương đối bền vững như ngôn ngữ, văn hóa, tâm lý, phong tục, tập quán và đặc biệt là ý thức tự giác tộc người. Cộng đồng này có thể giữ vị trí chủ thể hoặc là bộ phận thiểu số trong một quốc gia - dân tộc; đồng thời, trong nhiều trường hợp, các thành viên của cùng một tộc người có thể cư trú ở nhiều quốc gia khác nhau nhưng vẫn gắn bó với nhau bởi những nét tương đồng cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa và ý thức nguồn cội.

Hai khái niệm trên có mối quan hệ mật thiết, gắn bó hữu cơ với nhau. Nếu dân tộc theo nghĩa quốc gia - dân tộc nhấn mạnh phương diện chính trị - xã hội, tính thống nhất lãnh thổ và tổ chức nhà nước, thì dân tộc theo nghĩa tộc người lại nhấn mạnh phương diện cộng đồng văn hóa - lịch sử và ý thức tự giác của một nhóm người nhất định. Trong thực tiễn, một quốc gia - dân tộc thường bao gồm nhiều tộc người cùng sinh sống, còn mỗi tộc người lại là một bộ phận cấu thành nên sự đa dạng và thống nhất của quốc gia - dân tộc. Vì vậy, việc phân biệt rõ hai

cách hiểu này có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận lẫn thực tiễn trong nghiên cứu vấn đề dân tộc.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, dân tộc là sản phẩm của một quá trình phát triển lịch sử - xã hội lâu dài, gắn liền với sự phát triển của lực lượng sản xuất, sự biến đổi của quan hệ xã hội và sự hoàn thiện dần các hình thức tổ chức cộng đồng người. Trong tiến trình đó, lịch sử nhân loại đã lần lượt trải qua các hình thức cộng đồng từ thấp đến cao như thị tộc, bộ lạc, bộ tộc, trước khi phát triển đến hình thức cộng đồng cao hơn là dân tộc. Mặc dù ở mỗi quốc gia, mỗi khu vực, dân tộc có thể được hình thành trong những điều kiện lịch sử, kinh tế, văn hóa và xã hội khác nhau, song xét về bản chất, đó vẫn là một quá trình mang tính phổ biến trong lịch sử phát triển của loài người.

Vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, Hồ Chí Minh tuy không đưa ra một định nghĩa hoàn chỉnh về dân tộc theo cách diễn đạt kinh viện, nhưng qua toàn bộ di sản lý luận và thực tiễn mà Người để lại có thể thấy, Hồ Chí Minh sử dụng khái niệm dân tộc theo hai nghĩa cơ bản, vừa thống nhất với lý luận chung, vừa phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Thứ nhất, dân tộc được hiểu theo nghĩa quốc gia - dân tộc. Ở nghĩa này, dân tộc dùng để chỉ cộng đồng CT-XH rộng lớn, ổn định, cùng sinh sống trên một lãnh thổ chung, có truyền thống lịch sử, đời sống văn hóa và ý thức gắn bó với Tổ quốc. Cách hiểu này được thể hiện khá rõ trong nhiều bài nói, bài viết của Hồ Chí Minh. Chẳng hạn, trong tác phẩm *Thư gửi các học sinh nhân ngày khai giảng năm học mới của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, Người viết: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang sánh vai các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ ở công học tập của các em”. Cụm từ dân tộc Việt Nam được sử dụng theo nghĩa quốc gia - dân tộc, tức chỉ toàn thể cộng đồng người Việt Nam thống nhất trong một quốc gia độc lập, có chung vận mệnh lịch sử và khát vọng phát triển.

Thứ hai, dân tộc được hiểu theo nghĩa tộc người. Theo nghĩa này, dân tộc dùng để chỉ các cộng đồng người có những đặc trưng tương đối bền vững về ngôn ngữ, văn hóa, phong tục, tập quán và ý thức cộng đồng. Trong các bài nói, bài viết và văn bản liên quan đến đồng bào các dân tộc, Hồ Chí Minh sử dụng các cách diễn đạt như “đồng bào các dân tộc”, “dân tộc thiểu số”. Cách sử dụng đó cho thấy Người nhận thức rõ sự tồn tại của các cộng đồng tộc người khác nhau trong cộng đồng quốc gia Việt Nam; đồng thời nhất quán khẳng định nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết và gắn bó giữa các dân tộc. Tinh thần đó được thể hiện rõ trong Báo cáo về dự thảo Hiến pháp sửa đổi tại kỳ họp thứ XI, Quốc hội khóa I, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, khi Hồ Chí Minh khẳng định: “Nước ta là một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc. Các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ. Các dân tộc anh em trong nước ta gắn bó ruột thịt với

nhau trên một lãnh thổ chung và trải qua một lịch sử lâu đời cùng nhau lao động và đấu tranh để xây dựng Tổ quốc tươi đẹp”. Trong đoạn này, khái niệm nhiều dân tộc rõ ràng được sử dụng theo nghĩa tộc người, nhằm chỉ các cộng đồng dân cư cùng sinh sống trong một quốc gia thống nhất, có mối quan hệ bình đẳng, đoàn kết và gắn bó mật thiết với nhau.

Ở đây, luận án sử dụng khái niệm dân tộc theo nghĩa thứ hai, tức là “tộc người”, nhằm xác định rõ góc độ tiếp cận khoa học, nhằm bảo đảm tính chính xác về lý luận, tính phù hợp với đối tượng nghiên cứu và tính nhất quán trong quá trình phân tích vấn đề dân tộc, CSDT và thực hiện CSDT ở Việt Nam hiện nay.

Khái niệm chính sách: Chính sách là hệ thống các mục tiêu, quan điểm, quyết định và biện pháp hành động do chủ thể có thẩm quyền ban hành nhằm định hướng, điều chỉnh và giải quyết những vấn đề đặt ra trong đời sống xã hội, trong một phạm vi và thời gian nhất định.

Khái niệm chính sách dân tộc: Chính sách dân tộc là hệ thống mục tiêu, quyết định, công cụ và biện pháp do Nhà nước ban hành trên cơ sở quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, nhằm tác động đến các cộng đồng tộc người và quan hệ dân tộc; bảo đảm bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển; qua đó phát huy tiềm năng, bản sắc văn hóa của các tộc người, nâng cao đời sống của đồng bào, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và thúc đẩy phát triển bền vững đất nước.

2.1.2. Một số khái niệm liên quan đến thực hiện chính sách dân tộc

Khái niệm thực hiện chính sách: Thực hiện chính sách là quá trình các chủ thể có thẩm quyền và các chủ thể có liên quan tổ chức đưa mục tiêu, nội dung, quyết định và biện pháp của chính sách vào thực tiễn thông qua những hoạt động cụ thể, nhằm hiện thực hóa mục tiêu chính sách và giải quyết các vấn đề mà chính sách hướng tới.

Khái niệm thực hiện chính sách dân tộc: Thực hiện chính sách dân tộc là quá trình các chủ thể có thẩm quyền tổ chức triển khai chính sách dân tộc vào thực tiễn thông qua các hoạt động cụ thể nhằm hiện thực hóa mục tiêu, nội dung và giải pháp của chính sách; bảo đảm quyền bình đẳng, tăng cường đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc; thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các dân tộc và vùng miền, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị và phát triển bền vững đất nước.

2.1.3. Một số khái niệm liên quan đến tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hiện chính sách dân tộc

Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh về chính sách dân tộc: Là hệ thống các quan điểm toàn diện, nhất quán của Người về giải quyết vấn đề dân tộc, làm cơ sở định hướng cho việc xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc ở Việt Nam. Nội dung cốt lõi của tư tưởng này là bảo đảm bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp

nhau cùng phát triển giữa các dân tộc; bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của đồng bào các dân tộc; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và huy động sức mạnh của mọi dân tộc vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.

Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hiện chính sách dân tộc *Tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hiện chính sách dân tộc*: Là hệ thống quan điểm của Người chỉ đạo việc tổ chức thực hiện chính sách dân tộc trong thực tiễn, trên cơ sở bảo đảm bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc; kết hợp giữa sự hỗ trợ của Nhà nước với phát huy tính tự lực, tự cường của đồng bào dân tộc thiểu số nhằm nâng cao đời sống, thu hẹp khoảng cách phát triển và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2.1.4. Một số khái niệm liên quan đến thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở vùng trung du và miền núi phía Bắc

Khái niệm thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh: Là quá trình tổ chức hiện thực hóa đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về vấn đề dân tộc dưới sự định hướng của hệ thống quan điểm Hồ Chí Minh; bảo đảm các nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và tương trợ giữa các dân tộc; kết hợp phát huy nội lực của đồng bào với sự hỗ trợ của Nhà nước nhằm nâng cao đời sống, thu hẹp khoảng cách phát triển và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Khái niệm thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc: Là quá trình tổ chức hiện thực hóa đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về vấn đề dân tộc trên địa bàn vùng dưới sự định hướng của hệ thống quan điểm Hồ Chí Minh, trên cơ sở bảo đảm các nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và tương trợ giữa các dân tộc; kết hợp phát huy nội lực của đồng bào với sự hỗ trợ của Nhà nước và toàn xã hội, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và đặc điểm đa dân tộc của vùng, nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các dân tộc và giữa các vùng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và thúc đẩy phát triển bền vững vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

2.2. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC

2.2.1. Quan điểm Hồ Chí Minh về tầm quan trọng của việc thực hiện chính sách dân tộc

2.2.1.1. Thực hiện chính sách dân tộc là cơ sở quan trọng để thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, bình đẳng dân tộc phải bắt đầu từ kinh tế, trước hết là bảo đảm quyền làm chủ tư liệu sản xuất cho nhân dân. Bên cạnh đó, chính sách dân tộc đúng đắn còn góp phần bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa, củng cố niềm tin chính trị và đồng thuận xã hội; bình đẳng không chỉ ở phân bổ nguồn lực mà còn ở tôn trọng sự khác biệt và quyền phát triển của mỗi dân tộc.

2.2.1.2. Thực hiện chính sách dân tộc giúp phát triển kinh tế

Theo Hồ Chí Minh, thực hiện chính sách dân tộc phải hướng tới phát triển toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, trong đó phát triển kinh tế, nâng cao đời sống là nhiệm vụ trung tâm. Người nhấn mạnh gắn phát triển sản xuất với nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe và xây dựng đời sống văn hóa.

2.2.1.3. Thực hiện chính sách dân tộc để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc

Theo Hồ Chí Minh, đoàn kết là cơ sở để thực hiện bình đẳng dân tộc, bởi chỉ trong một cộng đồng đoàn kết, các dân tộc mới có điều kiện gắn bó, tin cậy, hỗ trợ nhau, cùng khắc phục khó khăn và phát triển. Từ quan điểm đó, việc thực hiện chính sách dân tộc nhằm xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc cần được triển khai đồng bộ trên ba phương diện: bảo đảm bình đẳng và tôn trọng giữa các dân tộc; lấy lợi ích thiết thực của nhân dân làm mục tiêu trực tiếp; coi đồng bào các dân tộc là chủ thể của chính sách, tôn trọng vai trò tự quản cộng đồng, phát huy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường, đồng thời chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số và cán bộ cơ sở.

2.2.1.4. Thực hiện chính sách dân tộc góp phần giữ vững ổn định chính trị và giữ vững quốc phòng, an ninh

Theo Hồ Chí Minh, thực hiện tốt chính sách dân tộc tạo nền tảng ổn định chính trị - xã hội thông qua bảo đảm quyền lợi, nâng cao đời sống, thu hẹp khoảng cách phát triển và củng cố niềm tin của nhân dân. Đồng thời, đây cũng là điều kiện quan trọng để xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh vững chắc từ cơ sở. Khi nhân dân đoàn kết, tin tưởng và gắn bó với chính quyền, sẽ hình thành thế trận lòng dân bền vững, hỗ trợ hiệu quả cho công tác nắm tình hình, phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các hoạt động phá hoại, kích động, lôi kéo và lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo.

2.2.1.5. Thực hiện chính sách dân tộc góp phần khẳng định bản chất nhân văn và cách mạng của chế độ mới

Theo Hồ Chí Minh, thực hiện chính sách dân tộc góp phần khẳng định bản chất nhân văn và cách mạng của chế độ mới, bởi chính sách này trực tiếp phủ định phương thức thống trị phi nhân đạo của chế độ phong kiến và thực dân, đồng thời xác lập con đường phát triển lấy con người làm trung tâm, lấy bình đẳng và đoàn kết dân tộc làm nền tảng chính trị - xã hội. Trên cơ sở đó, chính sách dân tộc của chế độ mới mang tính cách mạng khi chuyển hóa mục tiêu và phương thức quản trị từ áp đặt, chia rẽ sang giải phóng và phát triển con người. Tính nhân văn của chính sách dân tộc thể hiện ở việc mọi chủ trương, chương trình và biện pháp đều hướng tới nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào, từng bước khắc phục di sản bất công do lịch sử để lại và thu hẹp khoảng cách phát triển giữa miền núi với miền xuôi, giữa vùng dân tộc thiểu số với các vùng phát triển hơn.

2.2.2. Quan điểm Hồ Chí Minh về chủ thể, đối tượng thực hiện chính sách dân tộc

2.2.2.1. Về chủ thể thực hiện chính sách dân tộc

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, chủ thể thực hiện chính sách dân tộc là toàn bộ hệ thống chính trị và các lực lượng xã hội tham gia vào quá trình tổ chức, triển khai chính sách trong thực tiễn. Trong đó, Đảng giữ vai trò lãnh đạo toàn diện, định hướng và tổ chức thực hiện chính sách thông qua việc đề ra chủ trương phù hợp với từng giai đoạn, bảo đảm quyền lợi của các dân tộc và sự phát triển hài hòa giữa các vùng, miền.

2.2.2.2. Về đối tượng thực hiện chính sách dân tộc

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đối tượng của chính sách dân tộc là toàn bộ các dân tộc trong cộng đồng quốc gia Việt Nam, bởi trong một quốc gia đa dân tộc, việc giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc không chỉ liên quan đến từng dân tộc mà còn gắn trực tiếp với sự ổn định, thống nhất và phát triển của đất nước.

2.2.3. Về nội dung thực hiện chính sách dân tộc

2.2.3.1. Phát triển kinh tế, nâng cao đời sống đồng bào các dân tộc

Hồ Chí Minh cho rằng sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền núi phải bắt đầu từ nông thôn, lấy nông nghiệp làm khâu đột phá, tạo tiền đề cho công nghiệp hóa sau này. Đối với đồng bào các dân tộc, nhu cầu trước hết là đủ ăn, mặc ấm, có nơi ở ổn định; vì vậy, nông nghiệp giữ vai trò nền tảng đáp ứng các nhu cầu thiết yếu và thúc đẩy phát triển. Từ đó, Người đề ra quan điểm phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và công nghiệp gắn với trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong công tác miền núi. Đồng thời, Hồ Chí Minh chủ trương thực hiện các chính sách phù hợp đặc điểm từng địa phương, chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng các tổ đổi công, hợp tác xã ở miền núi và phát huy tinh thần đoàn kết, giúp đỡ nhau trong phát triển kinh tế.

2.2.3.2. Phát triển Văn hóa - Xã hội

Theo Hồ Chí Minh, văn hóa là bộ phận không thể thiếu trong đời sống mỗi dân tộc, vừa cần bảo tồn truyền thống, vừa phải sáng tạo, đổi mới; đồng thời tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc và xóa bỏ rào cản văn hóa để cùng phát triển. Trong lĩnh vực xã hội, Người đặc biệt quan tâm đến giáo dục, y tế và đào tạo cán bộ miền núi. Quan điểm của Hồ Chí Minh về giáo dục đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số mang tính toàn diện, nhằm rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các dân tộc. Nhờ chính sách ưu tiên giáo dục, trình độ dân trí và nguồn nhân lực dân tộc thiểu số có nhiều tiến bộ, hình thành đội ngũ trí thức, cán bộ và chiến sĩ lực lượng vũ trang đầu tiên, tạo nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc thiểu số. Trong lĩnh vực y tế, Hồ Chí Minh khẳng định sức khỏe là vốn quý của con người và xã hội, vì vậy Người yêu cầu Đảng và Nhà nước quan tâm chăm sóc sức khỏe đồng bào các dân tộc thông qua phát triển mạng lưới y tế, đào tạo cán bộ

y tế tại chỗ, đồng thời tuyên truyền, vận động xóa bỏ hủ tục, xây dựng đời sống văn hóa mới.

2.2.3.3. *Củng cố, đảm bảo quốc phòng, an ninh*

Hồ Chí Minh nhấn mạnh tầm quan trọng chiến lược của miền núi trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Để xây dựng và củng cố quốc phòng, Người chủ trương thành lập các khu tự trị của đồng bào dân tộc thiểu số nhằm đấu tranh với âm mưu lợi dụng vấn đề tự trị của các thế lực thù địch để chống phá chính sách đại đoàn kết của Đảng và Nhà nước. Đồng thời, Hồ Chí Minh thường xuyên nhắc nhở đồng bào nâng cao cảnh giác, giữ vững tinh thần đoàn kết, sẵn sàng phối hợp, hỗ trợ bộ đội và công an trong đấu tranh chống các hoạt động gây chia rẽ dân tộc và phá hoại cuộc sống bình yên của nhân dân.

2.2.3.4. *Xây dựng hệ thống chính trị, phát huy quyền làm chủ và phát triển đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số*

Theo Hồ Chí Minh, hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ ở cơ sở phải thực sự gần dân, hiểu dân, tôn trọng dân và dựa vào dân. Các tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể có trách nhiệm tuyên truyền, vận động, tập hợp và tạo điều kiện để đồng bào các dân tộc tham gia vào công việc chung. Việc xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vì vậy phải gắn với nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, giữ gìn đoàn kết, chống quan liêu, mệnh lệnh và bảo đảm mối liên hệ chặt chẽ giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân.

Hồ Chí Minh luôn coi quyền làm chủ của Nhân dân, trong đó có đồng bào các dân tộc thiểu số, là nội dung căn bản của chế độ mới. Người đề nghị sớm tổ chức Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, theo đó “tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống”. Người tiếp tục khẳng định: “Trong cuộc Tổng tuyển cử, hễ là những người muốn lo việc nước thì đều có quyền ra ứng cử; hễ là công dân thì đều có quyền đi bầu cử”. Những quan điểm đó thể hiện sự bảo đảm bình đẳng về quyền công dân và quyền tham gia quản lý đất nước của mọi người dân Việt Nam, không phân biệt dân tộc. Quyền làm chủ và bình đẳng của đồng bào các dân tộc còn được thể chế hóa trong Hiến pháp. Hiến pháp năm 1946 quy định: “Tất cả các công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện: chính trị, kinh tế, văn hoá” và “đều bình đẳng trước pháp luật, đều được tham gia Chính quyền và công cuộc kiến quốc tùy theo tài năng và đức hạnh của mình”. Trong Báo cáo về dự thảo Hiến pháp sửa đổi năm 1959, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Nước ta là một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc. Các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ”. Như vậy, phát huy quyền làm chủ của đồng bào các dân tộc phải gắn với bảo đảm quyền công dân, quyền bình đẳng, quyền tham gia quản lý xã hội và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với đất nước.

Cùng với phát huy quyền làm chủ của đồng bào, Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng công tác cán bộ. Người chỉ rõ: “Cán bộ là những người đem chính sách của

Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân chúng hiểu rõ và thi hành, đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ để đặt chính sách cho đúng. Vì vậy, cán bộ là cái gốc của mọi công việc. Vì vậy, huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”. Quan điểm đó là cơ sở để chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, sử dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số và nâng cao năng lực cán bộ cơ sở. Đây là lực lượng trực tiếp tuyên truyền, vận động, tổ chức thực hiện, đồng thời phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của đồng bào với Đảng và Nhà nước.

2.2.4. Nguyên tắc thực hiện chính sách dân tộc

2.2.4.1. Đoàn kết giữa các dân tộc

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, các dân tộc Việt Nam tuy khác nhau về trình độ phát triển, phong tục, tập quán và ngôn ngữ nhưng có chung cội nguồn lịch sử, vận mệnh và lợi ích trong một quốc gia thống nhất. Đây là nền tảng khách quan, bền vững để hình thành khối đoàn kết dân tộc và tạo nên sức mạnh của toàn dân tộc trong sự nghiệp cách mạng. Đoàn kết không chỉ là cơ sở tập hợp lực lượng đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền Tổ quốc mà còn là điều kiện tiên quyết để xây dựng xã hội mới, bảo đảm cho các dân tộc được ấm no, tự do và hạnh phúc.

2.2.4.2. Bình đẳng giữa các dân tộc

Nguyên tắc bình đẳng trong tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc bắt nguồn từ việc khẳng định các quyền cơ bản của con người như những giá trị phổ quát, có ý nghĩa nền tảng đối với mọi quốc gia và dân tộc. Quan niệm đó được Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo vào điều kiện lịch sử - xã hội Việt Nam, trở thành cơ sở lý luận quan trọng cho việc xác lập quan hệ bình đẳng giữa các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

2.2.4.3. Tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển giữa các dân tộc

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự tương trợ giữa các dân tộc phải xuất phát từ tinh thần chân thành, thể hiện tình nghĩa đồng bào và trách nhiệm chung trong một quốc gia thống nhất. Để thực hiện thực chất bình đẳng, đoàn kết và tương trợ giữa các dân tộc, cần kiên quyết khắc phục những biểu hiện sai trái trong nhận thức và hành động; xóa bỏ mặc cảm, xích mích, nghi kỵ do đế quốc và phong kiến để lại; xây dựng quan hệ đoàn kết trên cơ sở bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ. Đồng thời, Hồ Chí Minh nhấn mạnh trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và đội ngũ cán bộ trong việc khắc phục các tư tưởng lệch lạc như dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi và tâm lý tự ti dân tộc. Theo Người, bình đẳng, đoàn kết và tương trợ giữa các dân tộc không chỉ dừng ở nhận thức hay chủ trương mà phải được tổ chức, hiện thực hóa thông qua Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, đồng thời gắn với phát triển toàn diện kinh tế, văn hóa và xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2.2.5. Về phương pháp thực hiện chính sách dân tộc

2.2.5.1. Tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục quần chúng

Tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục quần chúng là bộ phận quan trọng của công tác tư tưởng. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, tuyên truyền, vận động,

giáo dục, thuyết phục là một hoạt động thống nhất trên ba mặt: Một là nhận thức đúng đắn về mục đích và vai trò của tuyên truyền; hai là phương pháp tuyên truyền; ba là những yêu cầu đối với người làm công tác tuyên truyền. Cả ba mặt trên luôn phải thống nhất, có mối liên hệ hữu cơ, tác động qua lại lẫn nhau. Với người tuyên truyền phải nắm vững đối tượng được tuyên truyền.

2.2.5.2. Đào tạo, bồi dưỡng phát huy vai trò cán bộ người dân tộc thiểu số

Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng công tác đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số. Theo Người, lực lượng này giữ vai trò quan trọng do am hiểu thực tiễn, văn hóa và tâm lý đồng bào, đồng thời trực tiếp tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Trong đào tạo cán bộ người dân tộc thiểu số, Hồ Chí Minh yêu cầu gắn học tập với nhiệm vụ thực tế, kết hợp chính trị, văn hóa với lao động, sản xuất và chống lối học đông dài.

2.2.5.3. Phát huy ý thức tự chủ, tự lực, tự cường, tự vươn lên của đồng bào các dân tộc

Theo Hồ Chí Minh, để thực hiện tốt chính sách dân tộc và nâng cao đời sống nhân dân, bên cạnh các chính sách ưu tiên của Đảng và Nhà nước, điều quan trọng là các dân tộc phải không ngừng nỗ lực vươn lên, đoàn kết, thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau, đồng thời tích cực, tự giác, tự nguyện tham gia vào quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Đây là yếu tố cần thiết trong thực hiện chính sách dân tộc ở nước ta, đồng thời là điều kiện quan trọng để phát triển đất nước bền vững.

2.2.5.4. Xây dựng và thực hiện chính sách dân tộc phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng dân tộc

Theo Hồ Chí Minh, muốn thực hiện tốt chính sách dân tộc và đoàn kết dân tộc phải am hiểu miền núi, con người miền núi và đồng bào các dân tộc, bởi mỗi dân tộc có nếp sống, tâm lý, bản sắc và tiếng nói riêng đa dạng, phong phú. Muốn tiến hành sự nghiệp cách mạng nói chung và công tác dân tộc nói riêng cần nghiên cứu, nắm vững phong tục, tập quán của từng địa phương. Đối với vùng dân tộc thiểu số và miền núi, việc xác định nội dung, biện pháp và bước đi phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể có ý nghĩa quan trọng, quyết định hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc. Vì vậy, chính sách phải phù hợp với đặc thù từng vùng, từng dân tộc; tôn trọng lợi ích, văn hóa, truyền thống, chữ viết, tiếng nói và phong tục, tập quán của đồng bào. Trong quá trình thực hiện chính sách dân tộc, cần đặc biệt chú ý đến tính đặc thù của mỗi dân tộc do sự khác biệt về tâm lý, tín ngưỡng, văn hóa, phong tục, tập quán và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, từ đó đề ra các biện pháp phù hợp với từng vùng miền và từng dân tộc.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 tập trung làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh, tạo nền tảng khoa học cho việc phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp đối với vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Với

vai trò là chương cơ sở lý luận, chương xác lập các khái niệm công cụ và luận giải những nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về chính sách dân tộc và phương thức tổ chức thực hiện trong thực tiễn, bảo đảm sự gắn kết giữa lý luận và khảo sát thực tiễn. Trước hết, chương làm rõ các khái niệm dân tộc, chính sách dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh, làm cơ sở phương pháp luận cho việc tiếp cận và triển khai luận án. Trên cơ sở cụ thể hóa vào điều kiện vùng Trung du và miền núi phía Bắc, chương khẳng định thực hiện chính sách dân tộc là quá trình chính trị - xã hội toàn diện, liên tục và có tổ chức, gắn với đặc điểm lịch sử, điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế, đời sống văn hóa - xã hội và cơ cấu đa dân tộc của vùng. Đồng thời, phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hiện chính sách dân tộc, làm rõ vị trí chiến lược của vấn đề dân tộc trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Theo Hồ Chí Minh, thực hiện chính sách dân tộc không chỉ bảo đảm bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc mà còn hướng tới phát triển toàn diện, nâng cao đời sống đồng bào, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị và tăng cường quốc phòng, an ninh. Trên cơ sở đó, chương xác định mục tiêu, chủ thể, đối tượng, lĩnh vực trọng tâm, làm rõ các nguyên tắc chỉ đạo gồm đoàn kết, bình đẳng và tương trợ cùng phát triển như những giá trị nền tảng và chuẩn mực phương pháp luận trong thực hiện chính sách dân tộc. Chương cũng phân tích các phương pháp thực hiện như tuyên truyền, vận động, giáo dục; phát huy vai trò cán bộ, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số; khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường và xây dựng chính sách phù hợp với từng vùng, từng dân tộc.

Chương 3

THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

3.1. ĐẶC ĐIỂM VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC VÀ ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC

3.1.1. Đặc điểm vùng Trung du và miền núi phía Bắc

Vị trí địa lý cùng điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa - xã hội và quốc phòng, an ninh của vùng vừa tạo thuận lợi cho phát triển, bảo tồn văn hóa, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và tăng cường thế trận phòng thủ, vừa đặt ra nhiều thách thức đối với thực hiện chính sách dân tộc. Địa hình hiểm trở, khí hậu khắc nghiệt, hạ tầng hạn chế cùng những rào cản về thu nhập, chất lượng nguồn nhân lực và chênh lệch trong giáo dục, y tế đã làm giảm hiệu quả và tính bền vững của chính sách, hạn chế khả năng tiếp cận, thụ hưởng của đồng bào, đồng thời đặt ra yêu cầu cao đối với quản trị quốc phòng, an ninh. Vì vậy, thực hiện chính sách dân tộc phải

gắn với bảo đảm an ninh biên giới, củng cố niềm tin của đồng bào và giữ vững ổn định chính trị - xã hội từ cơ sở.

3.1.2. Đặc điểm đồng bào các dân tộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc

Vùng Trung du và miền núi phía Bắc có dân số năm 2024 đạt 13,3389 triệu người, chiếm khoảng 15,2% dân số cả nước, song mật độ dân số thấp (140,1 người/km²), chỉ cao hơn Tây Nguyên. Đây là vùng có tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số cao nhất cả nước với 31 cộng đồng dân tộc, nhiều tỉnh có trên 80% dân số là người dân tộc thiểu số. Đặc điểm văn hóa - xã hội đa dạng cùng cơ cấu dân tộc phong phú tác động trực tiếp đến thực hiện chính sách dân tộc trong bối cảnh trình độ dân trí và khả năng tiếp cận thông tin, pháp luật còn hạn chế; một bộ phận người dân vẫn còn tâm lý trông chờ, ỷ lại do chưa nhận thức đầy đủ về chính sách. Vì vậy, thực hiện chính sách dân tộc cần linh hoạt, lấy đồng bào làm chủ thể, kết hợp hỗ trợ vật chất với nâng cao năng lực, đồng thời tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa nhằm củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

3.2. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC (2015 - 2025)

3.2.1. Tình hình ban hành và thực hiện chính sách dân tộc ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc theo tư tưởng Hồ Chí Minh giai đoạn 2015 - 2025

Trong giai đoạn 2015-2025, Đảng và Nhà nước đã ban hành hệ thống chủ trương, chính sách tương đối toàn diện nhằm thúc đẩy phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thể hiện sự kế thừa và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác dân tộc. Các chính sách tập trung vào phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững, nâng cao dân trí, bảo đảm quốc phòng, an ninh và giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, qua đó từng bước cải thiện đời sống đồng bào.

Về thể chế, hệ thống chính sách dân tộc tiếp tục được hoàn thiện với Hiến pháp năm 2013, 97 luật, bộ luật có gần 300 điều liên quan đến công tác dân tộc; Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ ban hành 188 chính sách còn hiệu lực, trong đó có 136 chính sách dân tộc. Tuy nhiên, phân bổ chính sách giữa các lĩnh vực còn chưa cân đối, nhất là đối với y tế, văn hóa và quốc phòng, an ninh, cho thấy mục tiêu phát triển con người theo tư tưởng Hồ Chí Minh chưa được thực hiện đầy đủ.

Về định hướng chiến lược, các nghị quyết quan trọng của Đảng như Nghị quyết số 24-NQ/TW (2003), 37-NQ/TW (2004) và 11-NQ/TW (2022) đã xác lập tư duy phát triển vùng theo hướng khai thác tiềm năng, bảo đảm công bằng giữa các dân tộc và gắn phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng - an ninh. Giai đoạn mới, việc ban hành Nghị quyết số 88/2019/QH14, Nghị quyết số 120/2020/QH14 và Quyết định số 1719/QĐ-TTg (2021) tạo khuôn khổ pháp lý quan trọng cho Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi; đồng thời hoàn thiện quy hoạch và cơ chế điều phối vùng, dù một số

lĩnh vực như quản lý, bảo vệ và phát triển rừng vẫn còn hạn chế về nguồn lực và cơ chế thực hiện.

Ở địa phương, các tỉnh vùng Trung du và miền núi phía Bắc đã chủ động cụ thể hóa chủ trương của Trung ương bằng nghị quyết, chương trình và kế hoạch phù hợp thực tiễn, tập trung vào giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, bảo đảm an sinh xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh và phát huy khối đại đoàn kết dân tộc. Một số địa phương như Hà Giang, Tuyên Quang, Hòa Bình, Điện Biên và Lạng Sơn đã ban hành nhiều nghị quyết chuyên đề, đẩy mạnh cải cách hành chính, phân cấp quản lý và triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phù hợp điều kiện thực tế.

3.2.2. Thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của thành tựu, hạn chế trong thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 2015 -2025

3.2.2.1. Thành tựu và nguyên nhân trong thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 2015 -2025

** Thành tựu*

Thứ nhất, nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc về vị trí, vai trò và ý nghĩa của việc thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới đã từng bước được nâng cao.

Thứ hai, việc thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc đạt nhiều kết quả tích cực trên các phương diện: Chủ thể thực hiện, đối tượng thụ hưởng và sự tham gia của các lực lượng xã hội, qua đó thể hiện rõ quan điểm “lấy dân làm gốc” và phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.

Thứ ba, việc bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của đồng bào các dân tộc đạt nhiều kết quả tích cực, qua đó từng bước khẳng định vai trò chủ thể của người dân trong phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Thứ tư, các nhóm chính sách dân tộc đã góp phần thúc đẩy phát triển toàn diện vùng TD & MNPB, thể hiện sự vận dụng sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh. Theo đó, phát triển KT-XH vùng DTTS được đặt trong tổng thể chiến lược phát triển quốc gia, gắn với nâng cao đời sống nhân dân và phát huy nội lực địa phương.

Thứ năm, việc quán triệt và thực hiện nguyên tắc đoàn kết, bình đẳng, tương trợ giữa các dân tộc đã đạt được những kết quả tích cực, thể hiện ở sự cải thiện quan hệ xã hội, tăng cường niềm tin và sự đồng thuận giữa các cộng đồng dân tộc.

Thứ sáu, phương pháp thực hiện CSĐT đối với đồng bào các dân tộc đã có những đổi mới quan trọng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả chính sách và tạo ra những chuyển biến tích cực trên nhiều phương diện.

** Nguyên nhân của những thành tựu đã đạt được*

Trước hết, những kết quả đạt được trong thực hiện CSDT ở vùng TD & MNPB giai đoạn vừa qua bắt nguồn từ sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, thống nhất và xuyên suốt của Đảng, Nhà nước từ Trung ương đến địa phương.

Thứ hai, việc phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc gắn với nâng cao vai trò chủ thể của đồng bào các dân tộc là điều kiện và động lực nội sinh quan trọng trong thực hiện CSDT theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ ba, công tác tổ chức thực hiện CSDT ngày càng được đổi mới theo hướng rõ trách nhiệm, sát thực tiễn và hiệu quả hơn.

Thứ tư, sự chuyển biến trong phát triển kinh tế và việc khai thác ngày càng tốt hơn tiềm năng, lợi thế của vùng.

Thứ năm, kết quả tích cực còn gắn với sự đầu tư ngày càng đồng bộ cho kết cấu hạ tầng và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

Thứ sáu, việc tổ chức thực hiện đồng bộ các chính sách an sinh xã hội và công tác dân tộc phù hợp với đặc điểm văn hóa, sinh kế, phong tục và nhu cầu của đồng bào

Thứ bảy, việc bảo đảm QP-AN, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác.

3.2.2.2. Hạn chế và nguyên nhân trong thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 2015 -2025

** Hạn chế*

Thứ nhất, việc cụ thể hóa CSDT và tổ chức liên kết, điều phối thực hiện ở quy mô vùng còn hạn chế; một số chính sách chưa thật sự phù hợp với đặc điểm liên vùng, liên tỉnh và điều kiện cụ thể của từng địa bàn.

Thứ hai, năng lực của đội ngũ cán bộ và nguồn lực bảo đảm tổ chức thực hiện CSDT còn bất cập, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, tiến độ và hiệu quả triển khai chính sách ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Thứ ba, kết quả thực hiện chính sách phát triển kinh tế, giảm nghèo và thu hẹp chênh lệch phát triển chưa thật sự bền vững; chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở một số địa bàn còn chậm, chênh lệch về thu nhập và mức sống giữa các nhóm dân cư vẫn còn lớn.

Thứ tư, kết quả thực hiện CSDT trên các lĩnh vực văn hóa, xã hội chưa đồng đều; công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc còn gặp khó khăn; chất lượng giáo dục, đào tạo và chăm sóc sức khỏe ở một số địa bàn còn hạn chế.

Thứ năm, việc củng cố khối đoàn kết, tăng cường niềm tin và bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở một số địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn đặt ra những vấn đề cần tiếp tục giải quyết; yêu cầu gắn thực hiện chính sách dân tộc với bảo đảm quốc phòng, an ninh cần được tăng cường.

Thứ sáu, phương thức tổ chức thực hiện CSDT còn bộc lộ hạn chế, nhất là trong công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách; hình thức vận động ở một số nơi chưa thật sự phù hợp với đặc điểm ngôn ngữ, văn hóa và điều kiện tiếp cận thông tin của đồng bào.

** Nguyên nhân của hạn chế*

Thứ nhất, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt và địa hình bị chia cắt mạnh là nguyên nhân khách quan quan trọng kìm hãm phát triển KT-XH ở vùng TD & MNPB.

Thứ hai, điểm xuất phát KT-XH của vùng còn thấp là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến nhiều hạn chế trong thực hiện CSDT

Thứ ba, những rào cản về xã hội, dân cư và tập quán sinh hoạt là một nguyên nhân quan trọng khác.

Thứ tư, sự thiếu chủ động và quyết tâm chính trị chưa đủ mạnh của một số cấp ủy, chính quyền địa phương cũng là nguyên nhân đáng chú ý.

Thứ năm, tâm lý trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Trung ương và Nhà nước vẫn tồn tại ở một bộ phận cán bộ và người dân.

Thứ sáu, công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện chính sách còn bộc lộ nhiều bất cập.

Thứ bảy, phương thức tuyên truyền, vận động và chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc còn nhiều hạn chế.

Thứ tám, bối cảnh khách quan trong và ngoài nước cũng tạo thêm nhiều sức ép đối với quá trình thực hiện CSDT.

Thứ chín, những bất cập về thể chế, cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin cũng là nguyên nhân làm giảm hiệu quả thực hiện CSDT.

3.3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC GIAI ĐOẠN 2015 - 2025

3.3.1. Vấn đề về nhận thức và phương pháp tổ chức thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh

3.3.2. Vấn đề về tính đồng bộ, nhất quán của hệ thống chính sách và cơ chế phối hợp thực thi

3.3.3. Vấn đề về nguồn lực, thủ tục và tiến độ triển khai chính sách dân tộc

3.3.4. Vấn đề về phát triển bền vững gắn với sinh kế và thu hẹp khoảng cách tiếp cận dịch vụ công

3.3.5. Vấn đề về văn hóa - xã hội, nguồn nhân lực và yêu cầu giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng - an ninh

Tiểu kết chương 3

Chương 3 của luận án phân tích một cách hệ thống thực trạng thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 2015 đến nay. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc triển khai chủ trương, chính sách dân tộc đã đạt nhiều thành tựu trên các lĩnh vực kinh tế - xã

hội. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai chính sách vẫn bộc lộ nhiều hạn chế. Trên cơ sở phân tích kết quả, hạn chế và nguyên nhân, Chương 3 xác định những vấn đề đặt ra đối với việc tiếp tục thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh, tập trung vào yêu cầu hoàn thiện nhận thức, đổi mới cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và phương thức tổ chức thực hiện phù hợp với bối cảnh mới và đặc thù vùng. Đây là cơ sở để luận án đề xuất phương hướng và giải pháp ở Chương 4 nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc và thúc đẩy phát triển bền vững vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC TRONG THỜI GIAN TỚI

4.1. DỰ BÁO NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC

4.1.1. Tác động của tình hình thế giới

Một là, tác động của xu thế hòa bình, hợp tác, cạnh tranh và xung đột trong quan hệ quốc tế đối với nguồn lực và môi trường thực hiện CSDT.

Hai là, tác động của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đến phát triển KT-XH, bảo tồn văn hóa và củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc.

Ba là, tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến phương thức tổ chức thực hiện CSDT ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

4.1.2. Tác động của tình hình trong nước

Thứ nhất, biến đổi khí hậu, thiên tai và suy thoái môi trường tác động trực tiếp đến sinh kế, đời sống và hiệu quả thực hiện CSDT.

Thứ hai, quá trình sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp tác động đến chủ thể, cơ chế phối hợp và phương thức thực hiện CSDT ở cơ sở.

Thứ ba, vấn đề dân tộc, tôn giáo và hoạt động lợi dụng các vấn đề này tiếp tục tác động đến việc thực hiện CSDT.

Thứ tư, quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và liên kết vùng tác động đến nội dung, nguồn lực và yêu cầu bảo đảm công bằng trong thực hiện CSDT.

Thứ năm, định hướng phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng tạo cơ hội mới, đồng thời đặt ra yêu cầu bảo tồn văn hóa và bảo đảm sinh kế bền vững cho đồng bào các dân tộc.

Thứ sáu, định hướng phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và bảo vệ môi trường đặt ra những yêu cầu mới đối với việc thực hiện CSDT.

4.2. PHƯƠNG HƯỚNG THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

4.2.1. Thực hiện chính sách dân tộc phải gắn với nhiệm vụ xây dựng, phát triển và bảo vệ vững chắc Tổ quốc ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc

4.2.2. Thực hiện chính sách dân tộc trên cơ sở củng cố, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc và bảo đảm các nguyên tắc đoàn kết, bình đẳng, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển

4.2.3. Thực hiện chính sách dân tộc gắn với phát huy tinh thần độc lập, tự chủ, ý chí tự lực, tự cường và bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc

4.2.4. Thực hiện chính sách dân tộc bảo đảm phù hợp với đặc thù từng vùng, từng dân tộc; tập trung phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giảm nghèo hiệu quả và thu hẹp khoảng cách phát triển

4.2.5. Thực hiện chính sách dân tộc gắn với nâng cao dân trí, từng bước khắc phục các hủ tục, tập quán lạc hậu và thúc đẩy bình đẳng giới

4.3. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

4.3.1. Nâng cao nhận thức của các chủ thể thực hiện và phát huy vai trò chủ động của đối tượng trong thực hiện chính sách dân tộc

4.3.2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc

4.3.3. Tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách dân tộc ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc

4.3.4. Tăng cường kiểm tra, giám sát; sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong thực hiện chính sách dân tộc ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc

4.3.5. Nâng cao năng lực chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu của đồng bào các dân tộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc

4.3.6. Phát huy tính tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc

Tiểu kết chương 4

Chương 4 tập trung làm rõ những dự báo về bối cảnh quốc tế, trong nước và các nhân tố tác động đến quá trình thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc trong tình hình mới; đồng thời xác định phương hướng và đề xuất các giải pháp nhằm cụ thể hóa tư tưởng của Người trong thực tiễn. Qua đó, luận án khẳng định vai trò đặc biệt của việc củng cố, phát huy khối đại đoàn kết dân tộc đối với ổn định và phát triển bền vững của vùng. Từ phân tích lý luận và thực tiễn, chương xác định các phương hướng cơ bản trong thực hiện chính sách dân tộc ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc,

gồm: gắn với chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên cơ sở đoàn kết, bình đẳng, tương trợ cùng phát triển; phát huy tinh thần tự lực, tự cường gắn với bảo tồn bản sắc văn hóa; bảo đảm phù hợp đặc thù từng vùng, từng dân tộc; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giảm nghèo và thu hẹp khoảng cách phát triển; gắn với nâng cao dân trí, khắc phục hủ tục và thúc đẩy bình đẳng giới. Để hiện thực hóa các phương hướng đó, luận án đề xuất sáu nhóm giải pháp chủ yếu: nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể và phát huy vai trò chủ thể của đồng bào trong thực hiện chính sách dân tộc; hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc; tổ chức thực hiện hiệu quả chính sách dân tộc ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc; tăng cường kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm; nâng cao năng lực chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu của đồng bào các dân tộc; phát huy tính tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc. Các giải pháp có quan hệ chặt chẽ, trong đó lấy sự tham gia, thụ hưởng và năng lực tự chủ của đồng bào làm trung tâm; gắn hỗ trợ của Nhà nước với phát huy nội lực cộng đồng, phát triển bền vững và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở nghiên cứu hệ thống cả về lý luận và thực tiễn, luận án đã góp phần làm rõ nội hàm, phương thức và điều kiện bảo đảm cho việc tổ chức, thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay.

Thông qua tổng quan có chọn lọc các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, luận án đã nhận diện những kết quả đạt được và chỉ ra các khoảng trống nghiên cứu, đặc biệt trong vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn thực hiện chính sách dân tộc ở các vùng cụ thể.

Luận án đồng thời khảo sát, đánh giá thực trạng thực hiện chính sách dân tộc ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc, cho thấy nhiều thành tựu quan trọng trong cải thiện diện mạo kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống đồng bào dân tộc thiểu số, củng cố hệ thống chính trị cơ sở và giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Tuy nhiên, quá trình thực hiện vẫn còn những hạn chế như chênh lệch phát triển giữa các địa phương, hiệu quả một số chính sách chưa cao và tổ chức thực hiện ở một số nơi còn hình thức, chưa phù hợp với đặc thù từng vùng, từng dân tộc. Trên cơ sở phân tích thực trạng và các yếu tố tác động, luận án xác định 5 phương hướng và đề xuất sáu nhóm giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

Trong bối cảnh phát triển mới của đất nước, việc tiếp tục nghiên cứu, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về chính sách dân tộc có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Với những kết quả đạt được, luận án góp phần bổ sung, làm sâu sắc hơn nhận thức khoa học và cung cấp những luận cứ quan trọng phục vụ hoạch định, thực thi chính sách trong thực tiễn.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Đặng Ngọc Mai (2024), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển văn hóa - giáo dục cho đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Hà Giang”, *Tạp chí nghiên cứu Hồ Chí Minh*, số 63, tr.91-97.
2. Đặng Ngọc Mai (2024), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực hiện chính sách dân tộc ở tỉnh Hà Giang”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, Số Đặc biệt, quý IV, tr.174-181.
3. Đặng Ngọc Mai (2025), “Nguyên tắc thực hiện chính sách dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới đất nước”, *Tạp chí Thanh niên*, số 87, tr.6-8.